

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	1. Hồ sơ: - Giấy khai sinh (Có công chứng). - Hộ Khẩu phô tô - Đơn, 02 ảnh 3x4 - Giấy chứng nhận học MN 2. Đối tượng: Trẻ sinh năm 2018 trở về trước. + Chỉ tiêu: 165 em Đúng tuyển: 151 em; Trái tuyển 24 em, LB 03. 3. Kết quả: a. <u>Số lượng:</u> 168 em (sinh năm 2018 là 165 em, sinh năm 2017 là 03 em) Nam: 85 em; Nữ: 80 em - Số học sinh đúng tuyển 150 em (tuyển mới: 147 em; 03 lưu ban) Sinh năm 2018: 165 em Sinh năm 2017: 03 em(lưu ban). -Số học sinh trái tuyển: 18 em. Sinh năm 2018: 18 em b. <u>Hồ sơ:</u> Đảm bảo đủ, đúng theo yêu cầu. c. <u>Số lớp:</u> 5 lớp, Bình quân 34 em/lớp	Học sinh đã HTCT lớp 1	Học sinh đã HTCT lớp 2	Học sinh đã HTC T lớp 3	Học sinh đã HTCT lớp 4
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Thực hiện Lớp 1,2,3,4 theo chương trình GDPT 2018.				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Giáo viên chủ nhiệm lớp và cha mẹ học sinh thường xuyên liên hệ để cùng chăm lo việc học tập của con em. Tổ chức họp CMHS ít nhất 3lần/năm. Học sinh cần có thái độ và ý thức học tập tốt.				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở	- Tổ chức hoạt động tập thể				

	cơ sở giáo dục	- Thẻ dực thể thao - Sơ kết, tổng kết khen thưởng học sinh - Vui tết trung thu
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- 99% trở lên hoàn thành chương trình lớp học. - Sức khỏe: 100% Học sinh sức khỏe bình thường (giảm thấp nhất số học sinh suy dinh dưỡng, béo phì).
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Học sinh đủ khả năng tiếp tục học tập lên lớp trên

An Thái., ngày 26 tháng 09 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG
Đỗ Thị Liên

CÔNG KHAI
ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung thông tin	Chia ra	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo	a) CBQL	02	02
		+Thạc sĩ	0	0
		+ Đại học	02	02
		b) Giáo viên	40	40
		+Thạc sĩ	0	0
		+ Đại học	37	38
		+ Cao đẳng	02	02
		c) Nhân viên	02	02
		+Thạc sĩ	0	0
		+ Đại học	02	02
		Cộng	43	44
		+Thạc sĩ		
		+ Đại học	42	42
		+ Cao đẳng	02	02
2	Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định	CBQL	02	02
			100%	100%
		Giáo viên	38/39	38/40
			97,4%	95%
		Nhân viên	02	02
			100%	100%
		Cộng	43	30
			100%	100%
3	Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định	CBQL	02	02
			100%	100%
		Giáo viên	39	40
			100%	100%
		Nhân viên	02	02
			100%	100%
		Cộng	43	44
			100%	100%

An Thái, ngày 26 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
NGUYỄN ĐỐC TÍN
Đỗ Thị Liên

CÔNG KHAI
CƠ SỞ VẬT CHẤT NĂM HỌC 2024-2025

STT	Nội dung thông tin	Chia ra	Thực hiện	Yêu cầu tối thiểu
1	Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định			
		Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường	10.186 m2	Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường bình quân tối thiểu 10m ² / HS
		Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh	10.186/836 = 12.18 m2	
2	Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định			
2.1	Khối phòng hành chính quản trị	a) Phòng Hiệu trưởng:	01 phòng làm việc và đầy đủ theo quy định hiện hành	Có phòng làm việc và đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;
		b) Phòng Phó Hiệu trưởng:	01 phòng làm việc và đầy đủ theo quy định hiện hành	Có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;
		c) Văn phòng:	01 phòng làm việc và đầy đủ theo quy định hiện hành	Có 01 phòng; có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành
		d) Phòng bảo vệ:	Có 01 phòng đặt cạnh cổng ra vào	Có 01 phòng; ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi;
		đ) Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên:	Có phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt -Phòng Nam gồm 02 chậu tiểu, 01 chậu xí. -Phòng Nữ gồm 02 chậu tiểu, 01 chậu xí.	Bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; số lượng thiết bị: đối với nam 01 chậu tiểu/15 người, 01 chậu xí/20 người, 01 chậu rửa tay/04 chậu xí nhưng không được ít hơn 01; đối với nữ 01 chậu xí/15 người, 01 chậu rửa tay/02 chậu xí nhưng không được ít hơn 01. Trường hợp khu vệ sinh riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường;
		e) Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên:	Đảm bảo	Có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.



2.2	Khối phòng học tập	a) Phòng học	24/24 phòng đảm bảo tối thiểu	1,35m ² /học sinh; 1,50m ² /học sinh nếu kết hợp nghỉ trưa
		b) Phòng học bộ môn Âm nhạc	01 phòng 54m ²	1,85m ² /học sinh
		c) Phòng học bộ môn Mỹ thuật	01 phòng 54m ²	1,85m ² /học sinh
		d) Phòng học bộ môn Khoa học - công nghệ	Chưa có	1,85m ² /học sinh
		đ) Phòng học bộ môn Tin học	Có 01 phòng 54 m ² đảm bảo tối thiểu	1,50m ² /học sinh
		e) Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	01 phòng 54m ²	1,50m ² /học sinh
		f) Phòng đa chức năng	Chưa có	1,50m ² /học sinh
2.3	Khối phòng hỗ trợ học tập	Thư viện	01 phòng 48 m ²	0,60m ² /học sinh
		Phòng thiết bị giáo dục	01 phòng 24 m ²	48m ² /phòng
		Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	01 phòng	24m ² /phòng
		Phòng Đội Thiếu niên	01 phòng 18m ²	0,03m ² /học sinh
		Phòng truyền thống	01 phòng 54m ²	48m ² /phòng
2.4	Khối phụ trợ	Phòng họp	01 phòng 126m ²	1,20m ² /người
		Phòng Y tế trường học	01 phòng 18m ²	24m ² /phòng
		Nhà kho	01 phòng 48 m ²	24m ² /kho

AN L
JONG
U HC
YEN DUC
★

		Khu để xe học sinh	01	0,90m ² /xe đạp
		Khu vệ sinh học sinh	02	0,06m ² /học sinh
		Phòng nghỉ giáo viên	Chưa có	-
		Phòng giáo viên	01 phòng 54m ²	-
2.5	Khu sân chơi, thể dục thể thao	Sân trường		1,50m ² /học sinh
		Sân thể dục thể thao		0,35m ² /học sinh
		Nhà đa năng	01 phòng 550m ²	-
2.6	Khối phục vụ sinh hoạt	Nhà bếp	01 phòng	0,30m ² /học sinh
		Kho bếp	Chưa có	10m ² /kho thực phẩm; 12m ² /kho lương thực
		Nhà ăn	01 phòng 192m ²	0,65m ² /chỗ
		Nhà ở nội trú	Chưa có	4m ² /chỗ
		Phòng quản lý học sinh	Chưa có	9m ² /phòng
		Phòng sinh hoạt chung	Chưa có	-
3	Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định			
	Khối lớp 1	5 bộ	1 bộ/ lớp	
	Khối lớp 2	5 bộ	1 bộ/ lớp	
	Khối lớp 3	4 bộ	1 bộ/ lớp	
	Khối lớp 4	5 bộ	1 bộ/ lớp	
	Khối lớp 5	5 bộ	1 bộ/ lớp	
4	Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo			

An Thái, ngày 26 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
Tiểu học
NGUYỄN ĐỐC TÍN
Đỗ Thị Liên